BỘ CHÍNH TRỊ
BỘ CHÍNH TRỊ
11-06-2026 16:03:14 +07:00

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
*
Số 10-NQ/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

Sau gần 40 năm đổi mới và mở cửa, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã không ngừng phát triển, không chỉ bổ sung nguồn lực đầu tư quan trọng, mà còn góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, hình thành một số ngành công nghiệp chủ lực, mở rộng thị trường xuất khẩu, từng bước đưa Việt Nam tham gia sâu hơn vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, tiếp nhận công nghệ, phương thức quản trị tiên tiến.

Tuy nhiên, chất lượng và hiệu quả thu hút, quản lý, sử dụng đầu tư nước ngoài chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và chưa đáp ứng được những yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới của đất nước. Tỉ lệ dự án thâm dụng lao động, tài nguyên, đất đai, năng lượng, gia công, lắp ráp còn cao; tỉ lệ nội địa hoá, giá trị tăng thêm hình thành ở Việt Nam còn thấp; liên kết với khu vực doanh nghiệp trong nước chưa cao, chuyển giao công nghệ còn hạn chế; còn hiện tượng cạnh tranh thu hút đầu tư theo số lượng ở một số địa phương. Dòng vốn đầu tư gián tiếp còn nhỏ, chưa tương xứng với tiềm năng thị trường. Hoạt động góp vốn, mua bán, sáp nhập doanh nghiệp của các quỹ đầu tư, định chế tài chính toàn cầu, nhà đầu tư nước ngoài còn hạn chế, quản lý thiếu chặt chẽ.

Trong bối cảnh Việt Nam đang xác lập mô hình tăng trưởng mới trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, nâng cao năng lực tự chủ chiến lược, việc thu hút và phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phải được đặt trong tổng thể chiến lược phát triển đất nước.

Bộ Chính trị yêu cầu tập trung quán triệt, thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nội dung sau:

I- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế quốc gia, không chỉ góp phần bổ sung vốn trung và dài hạn cho đầu tư

phát triển mà còn là kênh tiếp nhận công nghệ tiên tiến, phương thức quản trị hiện đại, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giúp mở rộng thị trường; được Nhà nước khuyến khích phát triển lâu dài, đối xử bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh với các khu vực kinh tế khác theo quy định của pháp luật.

2. Phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài gắn với yêu cầu nâng cao hiệu quả, năng lực tự chủ chiến lược, sức cạnh tranh của nền kinh tế, mở rộng mạng lưới thị trường, tham gia sâu vào các chuỗi cung ứng toàn cầu; đóng góp tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

3. Chuyển mạnh từ tư duy chủ yếu thu hút vốn sang tư duy phát triển nền tảng đầu tư chiến lược quốc gia; từ thu hút đầu tư theo địa giới hành chính sang thu hút theo cụm ngành, chuỗi giá trị và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; lấy chất lượng, hiệu quả, chuyển giao công nghệ, tham gia chuỗi cung ứng, giá trị gia tăng,... làm tiêu chí chủ yếu; chuyển dần từ ưu đãi theo đầu vào sang hỗ trợ gắn với kết quả thực hiện cam kết, bao gồm quản trị cả vòng đời dự án và kết nối với doanh nghiệp trong nước.

4. Phát triển đồng bộ, thống nhất hệ sinh thái đầu tư nước ngoài, gắn với chiến lược phát triển doanh nghiệp trong nước, phát triển thị trường vốn, trung tâm tài chính quốc tế, khu thương mại tự do, các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo, hạ tầng logistics, dữ liệu, năng lượng; khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài hình thành trụ sở khu vực và các trung tâm điều hành, nghiên cứu, thiết kế, dịch vụ của khu vực.

5. Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu về tài sản, vốn đầu tư, thu nhập và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của nhà đầu tư nước ngoài; bảo đảm môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch, ổn định, nhất quán, chi phí tuân thủ thấp, có khả năng dự báo cao, phù hợp với thông lệ quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh trong khu vực và toàn cầu. Bảo đảm cơ chế đối thoại, tiếp nhận, xử lý kịp thời kiến nghị, khiếu nại trên nguyên tắc hài hoà lợi ích giữa các bên; xử lý tranh chấp đầu tư theo quy định của pháp luật; khuyến khích các bên tự hoà giải, thông qua cơ chế hoà giải thương mại và trọng tài thương mại.

6. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, kiến tạo của Nhà nước; nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều phối quốc gia; phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương trên cơ sở thống nhất chiến lược, quy hoạch, tiêu chí, cơ chế giám sát; lấy kết quả đóng góp thực chất làm thước đo chủ yếu trong thu hút, quản lý và sử dụng đầu tư nước ngoài.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đưa Việt Nam trở thành điểm đến có sức cạnh tranh thu hút nguồn vốn nước ngoài trung và dài hạn chất lượng cao cho đầu tư phát triển. Quản lý và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư nước ngoài nhằm nâng cao năng lực sản xuất, tạo sự liên kết, lan toả với các khu vực kinh tế trong nước, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực và tham gia sâu các chuỗi cung ứng toàn cầu; góp phần xác lập mô hình tăng trưởng mới trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tăng cường năng lực cạnh tranh và khả năng tự chủ chiến lược, nâng cao vị thế và uy tín quốc gia; tạo động lực quan trọng thực hiện thành công các mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030 và năm 2045.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030

- Phấn đấu đưa Việt Nam thuộc nhóm dẫn đầu ASEAN về môi trường đầu tư kinh doanh, năng lực cạnh tranh, đổi mới sáng tạo, chất lượng dịch vụ công và năng lực tiếp nhận các dự án đầu tư nước ngoài chất lượng cao.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Thu hút vốn đầu tư nước ngoài đăng ký khoảng 200 - 300 tỉ USD (40 - 50 tỉ USD/năm); vốn thực hiện khoảng 150 - 200 tỉ USD (30 - 40 tỉ USD/năm).

- 75% vốn đầu tư nước ngoài đến từ các nền kinh tế phát triển, có tiềm lực về công nghệ, vốn và quản trị hiện đại; số lượng tập đoàn đa quốc gia trong danh sách Fortune 500 có hoạt động đầu tư tại Việt Nam tăng 30%; thu hút các tập đoàn đa quốc gia đầu tư các trung tâm nghiên cứu, thiết kế, đổi mới sáng tạo, dữ liệu, trụ sở khu vực, trung tâm điều hành, trung tâm ngân quỹ, trung tâm mua sắm, trung tâm dịch vụ dùng chung, trong đó có ít nhất 3 tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, văn phòng, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) tại Việt Nam; thu hút các doanh nghiệp nước ngoài, bao gồm cả doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhưng có công nghệ lõi, công nghệ chuyên biệt, có khả năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Tỉ lệ nội địa hoá trung bình trong các ngành công nghiệp chủ lực đạt từ 45 - 50%; phấn đấu có khoảng 10.000 doanh nghiệp trong nước tham gia chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trong đó có khoảng từ 500 - 1.000 nhà cung ứng cấp I.

- Tỉ trọng lao động qua đào tạo trong cơ cấu sử dụng lao động đạt khoảng 80%; nâng cao rõ rệt tỉ lệ người Việt Nam đảm nhiệm vị trí kỹ thuật, quản lý, nghiên cứu, thiết kế, vận hành, chuỗi cung ứng trong các dự án đầu tư nước ngoài chất lượng cao.

- Tỉ lệ khu công nghiệp sinh thái, bao gồm chuyển đổi và thành lập mới chiếm khoảng 10% tổng số khu công nghiệp trên cả nước.

- Phấn đấu trước năm 2030, thị trường chứng khoán được tổ chức xếp hạng thị trường MSCI nâng hạng.

b) Đến năm 2045

Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển hiệu quả, bền vững, gắn kết chặt chẽ với kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân, đưa Việt Nam trở thành một trong những trung tâm sản xuất, dịch vụ, đổi mới sáng tạo, điều hành khu vực có sức cạnh tranh cao ở châu Á, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; thị trường vốn phát triển hiện đại, minh bạch, an toàn, tiệm cận thông lệ quốc tế.

Phấn đấu đến năm 2045, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm khoảng 25% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, đóng góp khoảng 30% GDP của đất nước; góp phần đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhóm nhiệm vụ chung

1.1. Đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức về vị trí, vai trò của kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận cấu thành không tách rời của nền kinh tế; là một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế; là nguồn cung ứng vốn chất lượng cao, công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại, tiêu chuẩn quốc tế; là cầu nối mở rộng thị trường và tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu; là kênh truyền thông, quảng bá hình ảnh, nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, góp phần tích cực vào gìn giữ môi trường hoà bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới.

- Chuyển mạnh từ tư duy quản lý hành chính sang tư duy kiến tạo phát triển, quản trị hiện đại, điều hành theo kết quả; khắc phục tình trạng các địa phương cạnh tranh thu hút đầu tư chạy theo số lượng; kiên quyết không đánh đổi môi trường, tài nguyên, an sinh xã hội và an ninh kinh tế để đổi lấy tăng trưởng kinh tế đơn thuần.

- Khuyến khích doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nâng cao trách nhiệm, tăng cường liên kết, chia sẻ tri thức, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trong nước, đồng hành lâu dài với nền kinh tế Việt Nam.

1.2. Hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

- Hoàn thiện đồng bộ, thống nhất hệ thống pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch, ổn định, có khả năng dự báo cao, đặc biệt trong các lĩnh vực

đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, quy hoạch, xây dựng, thuế, hải quan, thương mại, cạnh tranh, ngoại hối, chứng khoán, sở hữu trí tuệ, dữ liệu, lao động, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; kịp thời tháo gỡ chồng chéo, mâu thuẫn, điểm nghẽn trong tổ chức thực hiện.

- Đổi mới cơ chế ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, chuyển dần từ ưu đãi truyền thống sang cơ chế hỗ trợ gắn với hiệu quả hoạt động của dự án; xây dựng cơ chế hậu kiểm, thu hồi ưu đãi, hỗ trợ nếu không thực hiện theo cam kết; ưu tiên các dự án có cam kết tự nguyện và triển khai thực hiện tốt các cam kết về sử dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường, đóng góp lớn vào đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và sử dụng nhân lực Việt Nam, phát triển nhà cung ứng trong nước, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, hiệu quả sử dụng đất, tài nguyên, năng lượng và tuân thủ pháp luật.

- Hình thành cơ chế lựa chọn, hỗ trợ, quản lý nhà đầu tư chiến lược; xác định một số nhóm lĩnh vực, công nghệ chiến lược ưu tiên thu hút trong từng giai đoạn và có danh mục mở được rà soát, cập nhật định kỳ đối với các lĩnh vực công nghệ, công nghiệp, dịch vụ mới nổi có lợi thế so sánh, lợi thế vị trí và khả năng lan toả cao. Áp dụng quy trình thủ tục đầu tư đặc biệt và cơ chế ưu đãi cho các dự án công nghệ chiến lược có quy mô lớn, tác động liên vùng, có tiềm năng dẫn dắt chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu, dự án công nghệ cao có cam kết chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp Việt Nam.

- Thí điểm mô hình thể chế vượt trội tại một số khu vực như: Trung tâm tài chính quốc tế, khu thương mại tự do, khu kinh tế, khu công nghệ cao, các mô hình đổi mới sáng tạo và các không gian phát triển mới để thu hút dòng vốn chất lượng cao, thế hệ mới, đồng thời bảo đảm kiểm soát rủi ro.

- Cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh và phối hợp liên thông giữa các cơ quan; thực hiện quản trị đầu tư trên nền tảng số, dữ liệu số và trí tuệ nhân tạo; phân cấp, phân quyền đi đôi với chuẩn hoá quy trình, công khai, minh bạch, hậu kiểm hiệu quả; gắn trách nhiệm của cơ quan đầu mối, người đứng đầu về kết quả, hiệu quả thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

- Rà soát, mở rộng việc tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo lộ trình phù hợp trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện các tác động, bảo đảm công khai, minh bạch, áp dụng thống nhất, không phân biệt đối xử giữa các nhà đầu tư. Không áp dụng hồi tố theo hướng xử lý bất lợi cho doanh nghiệp, trừ trường hợp vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

1.3. Phát triển nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài

- Xây dựng chương trình phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với nhu cầu của các ngành, lĩnh vực ưu tiên, các cụm liên kết ngành, khu công nghiệp, khu công nghệ cao và dự án chiến lược; đẩy mạnh liên kết giữa Nhà nước, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

- Có chính sách hỗ trợ cho các dự án đào tạo nguồn nhân lực của doanh nghiệp đầu tư nước ngoài liên kết với các viện, trường, cơ sở đào tạo nghề, doanh nghiệp trong nước, nhất là trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược.

- Có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cấp và từng bước giao nhiệm vụ kỹ thuật, quản lý, nghiên cứu, thiết kế, vận hành chuỗi cung ứng cho người Việt Nam.

- Đổi mới giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, đào tạo lại và nâng cao kỹ năng cho người lao động; ưu tiên các ngành công nghệ, kỹ thuật, dữ liệu, tự động hoá, quản trị sản xuất, logistics, tài chính và các lĩnh vực mới có nhu cầu cao. Tổ chức lại các cơ sở đào tạo nghề hiện có tại các địa phương để hình thành các trung tâm đào tạo nghề chất lượng cao tại các vùng kinh tế trọng điểm, đáp ứng yêu cầu thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài thế hệ mới.

- Hoàn thiện chính sách thu hút nhân tài, trọng dụng chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, nhà sáng lập, người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài có trình độ cao đến làm việc, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, điều hành hoạt động tại Việt Nam; tạo điều kiện thuận lợi về cư trú, việc làm, môi trường sống, dịch vụ công và kết nối hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; rà soát, cắt giảm tối đa các quy định về giấy phép lao động đối với chuyên gia người nước ngoài, đặc biệt là các chuyên gia trong lĩnh vực công nghệ cao, chuyên gia công tác ngắn ngày.

- Có cơ chế cho phép các địa phương sử dụng ngân sách địa phương để hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp đầu tư nước ngoài triển khai các hoạt động đào tạo lao động tại cơ sở đào tạo của doanh nghiệp ở trong và ngoài nước.

1.4. Nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ thu hút đầu tư chiến lược

- Đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại gắn với quy hoạch phát triển quốc gia, vùng và địa phương, mở ra các không gian, động lực phát triển mới; ưu tiên các công trình hạ tầng kết nối và trung tâm logistics ở các cảng biển đầu mối, sân bay quốc tế, đường bộ cao tốc, đường sắt cao tốc, đường thuỷ nội địa và các vùng động lực nhằm đón đầu xu thế dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu, dòng vốn đầu tư nước ngoài chất lượng cao.

- Bảo đảm cung ứng đủ và ổn định điện, nước, hạ tầng số, đáp ứng đủ nhu cầu quỹ đất sạch, dịch vụ hỗ trợ cho các dự án chất lượng cao, nhất là các dự án trung tâm nghiên cứu và phát triển, trụ sở khu vực, trung tâm điều hành và các tổ hợp công nghiệp chiến lược.

- Đẩy nhanh chuyển đổi các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao theo hướng sinh thái, thông minh, chuyên ngành, tích hợp hạ tầng sản xuất với hạ tầng dịch vụ logistics, hạ tầng xã hội phục vụ người lao động (nhà ở, y tế, giáo dục, văn hoá, thể thao). Phát triển hạ tầng theo cụm, ngành chiến lược gắn với không gian phát triển, quy hoạch địa phương, xử lý môi trường.

- Hoàn thiện hạ tầng số và cơ sở dữ liệu quốc gia đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và kết nối nhà đầu tư; thúc đẩy dùng chung dữ liệu, chuẩn hoá quy trình, giảm giấy tờ, giảm thời gian xử lý, giảm chi phí tuân thủ.

2. Đổi mới định hướng thu hút đầu tư nước ngoài theo ngành, lĩnh vực, địa bàn

- Xác định một số lĩnh vực cốt lõi cần ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài như: Công nghiệp điện tử, chip bán dẫn và thiết bị số; trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, Internet vạn vật và chuỗi khối; công nghệ sinh học và y sinh tiên tiến; công nghệ năng lượng và vật liệu tiên tiến, công nghiệp xanh; logistics hiện đại, dịch vụ chuỗi cung ứng, dịch vụ tài chính, thương mại, đổi mới sáng tạo và các dịch vụ giá trị gia tăng cao. Thường xuyên rà soát, cập nhật đối với các lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn từng giai đoạn phát triển, yêu cầu hội nhập quốc tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh và lợi ích quốc gia - dân tộc. Xây dựng cơ chế ưu đãi vượt trội, cạnh tranh, gắn với yêu cầu kết quả thực hiện; quy trình thủ tục đầu tư đặc thù, riêng biệt; cơ chế xử lý các khó khăn, vướng mắc tập trung, nhanh, linh hoạt.

- Ưu tiên thu hút các dự án, nhà đầu tư có công nghệ nền tảng, công nghệ lõi, cam kết triển khai các hoạt động nghiên cứu, thiết kế, hình thành trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm dữ liệu, đầu tư các kho dự trữ năng lượng, dự trữ hàng hoá cho khu vực và quốc tế, xây dựng trụ sở khu vực, trung tâm điều hành, trung tâm ngân quỹ, trung tâm mua sắm, trung tâm dịch vụ dùng chung có khả năng kết nối Việt Nam với mạng sản xuất, mạng dịch vụ và thị trường tài chính khu vực, thế giới.

- Tập trung phát triển một số vùng động lực, hành lang kinh tế, cụm liên kết ngành và các không gian phát triển mới gắn với lợi thế vị trí, đầu mối giao thông, logistics, hạ tầng số, năng lượng, đô thị lớn và liên kết vùng để thu hút đầu tư nước ngoài thế hệ mới. Đối với các địa phương còn khó khăn,

thu hút đầu tư phải phù hợp với điều kiện thực tế, có lộ trình nâng dần chất lượng, không hình thành mặt bằng ưu đãi thấp để cạnh tranh thu hút đầu tư.

3. Thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế số, chuyển giao công nghệ, tăng tính lan toả, liên kết với khu vực kinh tế trong nước

- Khuyến khích, yêu cầu doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cam kết về công nghệ, nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, phát triển, đào tạo người Việt Nam, tỉ lệ giá trị gia tăng trong nước, phát triển nhà cung ứng nội địa, chuyển đổi xanh và chuyển đổi số để được hưởng các ưu đãi đầu tư theo kết quả thực hiện; công bố nhu cầu mua sắm, tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quản trị và lộ trình nội địa hoá.

- Xây dựng và triển khai chương trình quốc gia phát triển nhà cung ứng trong nước; hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia, nền tảng kết nối nhà cung ứng, cụm liên kết ngành và cơ chế hợp tác dài hạn giữa nhà đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp trong nước; hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực quản trị, công nghệ, tiêu chuẩn, tài chính, truy xuất nguồn gốc và khả năng tham gia chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Có cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam liên doanh, liên kết, mua bán, sáp nhập, từng bước tăng tỉ lệ góp vốn, mua cổ phần, mua công nghệ, tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trong các ngành công nghệ chiến lược, các doanh nghiệp có công nghệ truyền thống ở nước ngoài, bảo đảm cơ chế hỗ trợ tuân thủ các cam kết quốc tế.

- Khuyến khích đầu tư của các quỹ đầu tư, trung gian tài chính, nhà đầu tư nước ngoài vào liên doanh, liên kết, góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, dự án trong nước gắn với đầu tư nâng cao công nghệ, quản trị, thị trường và đào tạo lao động Việt Nam; kiểm soát chặt chẽ, không để phát sinh rủi ro đối với quốc phòng, an ninh, an ninh dữ liệu, an toàn hệ thống tài chính và hạ tầng trọng yếu.

- Khuyến khích tổ chức tín dụng hỗ trợ lãi suất, cấp tín dụng ưu đãi để triển khai các dự án có vốn đầu tư nước ngoài xanh, tuần hoàn, tiết kiệm năng lượng, sử dụng tài nguyên bền vững và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG). Cho phép doanh nghiệp khấu hao nhanh đối với tài sản số và tài sản xanh.

- Có cơ chế khuyến khích chuyên gia, cán bộ quản lý, người lao động Việt Nam đã làm việc trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phát huy kinh nghiệm, kỹ năng, mạng lưới để hình thành doanh nghiệp mới, dự án mới, hoạt động đổi mới sáng tạo, qua đó lan toả tri thức và phương thức quản trị tiên tiến.

4. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư

- Đổi mới căn bản công tác xúc tiến đầu tư theo hướng chủ động, có trọng tâm, trọng điểm dựa trên dữ liệu, chuyên nghiệp, thực chất, dài hạn; chuyển từ xúc tiến đầu tư dàn trải sang tiếp cận, vận động, đàm phán và đồng hành với nhà đầu tư chiến lược, dự án chiến lược; coi việc hỗ trợ sau cấp phép, tháo gỡ khó khăn cho dự án hiện hữu và khuyến khích mở rộng dự án chất lượng cao là một trong những nội dung quan trọng của chính sách thu hút đầu tư.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu nhà đầu tư chiến lược, đối tác chiến lược, tập đoàn hàng đầu, định chế tài chính, quỹ đầu tư lớn, trung tâm đổi mới sáng tạo quan trọng và có phương án tiếp cận chuyên biệt theo từng thị trường, từng nhóm ngành và từng địa bàn.

- Xây dựng hình ảnh quốc gia về môi trường đầu tư kinh doanh ổn định, an toàn, minh bạch, cải cách, nhân lực có chất lượng, vị trí chiến lược, hạ tầng ngày càng hoàn thiện và quyết tâm đồng hành cùng nhà đầu tư.

5. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

- Thực hiện phân cấp, phân quyền rõ ràng đi đôi với tăng cường điều phối quốc gia, liên kết vùng, thanh tra, kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình. Hoàn thiện cơ chế rà soát, phối hợp thẩm định và quản trị rủi ro đầu tư với các dự án, giao dịch liên quan đến lĩnh vực, địa bàn, doanh nghiệp, công trình, hạ tầng trọng yếu hoặc nhạy cảm; bảo đảm tiêu chí rõ ràng, công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, không làm phát sinh rào cản, ách tắc không cần thiết đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh hợp pháp.

- Xây dựng và vận hành Cổng một cửa đầu tư quốc gia theo hướng số hoá toàn trình, liên thông dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương; thực hiện nguyên tắc khai một lần, dùng nhiều lần; nâng cao chất lượng phục vụ nhà đầu tư, doanh nghiệp, chất lượng phân tích, dự báo và điều hành chính sách.

- Tổ chức thực hiện Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với cả Trung ương và địa phương; lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo người Việt Nam, phát triển nhà cung ứng, đóng góp ngân sách nhà nước, bảo vệ môi trường, tuân thủ pháp luật và an ninh kinh tế làm tiêu chí chủ yếu.

- Tăng cường các biện pháp phòng, chống chuyển giá, gian lận thương mại, xuất xứ hàng hoá trên cơ sở kết hợp xác minh kỹ nguồn gốc vốn, chủ sở hữu hưởng lợi cuối cùng và kiểm soát giao dịch có rủi ro cao theo quy định

của pháp luật; thực hiện giám định độc lập giá trị vốn góp, máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong trường hợp cần thiết.

- Tăng cường giám sát việc thực hiện cam kết của nhà đầu tư; kịp thời xử lý vi phạm, thu hồi ưu đãi hoặc áp dụng biện pháp phù hợp đối với trường hợp không thực hiện đúng cam kết, sử dụng lãng phí đất đai, tài nguyên, năng lượng hoặc gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, trật tự, an toàn xã hội.

- Tôn vinh, khen thưởng kịp thời doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài có đóng góp thực chất, dài hạn, tích cực cho các mục tiêu phát triển của đất nước.

6. Hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến đầu tư gián tiếp nước ngoài

- Phát triển thị trường vốn trung và dài hạn theo hướng minh bạch, hiện đại, an toàn, bền vững, giảm sự phụ thuộc vào thị trường tín dụng ngắn hạn; hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển thị trường chứng khoán, thị trường trái phiếu, định chế trung gian; khẩn trương triển khai xây dựng và đưa vào vận hành các Trung tâm tài chính quốc tế, khu vực; đẩy nhanh lộ trình nâng hạng thị trường chứng khoán trên cơ sở cải cách thực chất về khả năng tiếp cận thị trường, chất lượng và sự đa dạng nguồn cung hàng hoá, minh bạch thông tin, an toàn hệ thống và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

- Tăng nguồn cung hàng hoá cho thị trường vốn thông qua đẩy mạnh cổ phần hoá gắn với niêm yết, thúc đẩy doanh nghiệp tư nhân huy động vốn và niêm yết trên thị trường, nâng cao quản trị công ty và minh bạch thông tin. Thí điểm có kiểm soát việc phát triển các sàn giao dịch tài sản mã hoá.

- Phát triển cơ sở nhà đầu tư theo hướng đa dạng hoá loại hình và nhóm các nhà đầu tư, tập trung nâng cao tỉ trọng nhóm nhà đầu tư tổ chức, nhóm nhà đầu tư chuyên nghiệp, quỹ đầu tư, quỹ hưu trí bổ sung, doanh nghiệp bảo hiểm, quỹ đầu tư tư nhân, quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư tăng trưởng; khuyến khích dòng vốn nước ngoài dài hạn, ổn định, có trách nhiệm.

- Nâng cao khả năng tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài, hoàn thiện hạ tầng giao dịch, thanh toán, bù trừ, lưu ký, các công cụ phòng ngừa rủi ro và cơ chế bảo vệ nhà đầu tư; tiếp tục cải thiện chất lượng công bố thông tin, chuẩn mực kế toán, quản trị công ty và giám sát thị trường theo hướng tiệm cận thông lệ quốc tế.

- Hoàn thiện cơ chế bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư trên thị trường vốn; nâng cao hiệu quả tiếp nhận, xử lý khiếu nại, tranh chấp và

thực thi nghĩa vụ công bố thông tin, quản trị công ty; đồng thời tăng cường giám sát dòng vốn, ngoại hối, phòng, chống rửa tiền và rủi ro hệ thống.

7. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan có liên quan trong phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

- Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phù hợp đặc thù; tăng cường phát triển Đảng, công tác tư tưởng, công tác dân vận, quan hệ lao động hài hoà, ổn định và tiến bộ, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức đoàn thể tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu, quản lý nhà nước, xúc tiến, hỗ trợ đầu tư; bố trí cán bộ đủ năng lực, bản lĩnh, phẩm chất, tinh thần phục vụ và tư duy hội nhập.

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, cộng đồng doanh nghiệp và người lao động trong quá trình xây dựng, thực thi và giám sát chính sách về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng uỷ Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, hoàn thiện pháp luật về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tăng cường giám sát việc thực hiện theo quy định.

2. Đảng uỷ Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo: Xây dựng Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết; ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, pháp luật cần thiết để thực hiện Nghị quyết; xác định một số nhóm ngành, lĩnh vực cốt lõi ưu tiên thu hút trong từng giai đoạn và cơ chế rà soát, cập nhật định kỳ danh mục mở; xây dựng bộ tiêu chí giám sát, chế độ báo cáo, cơ chế sơ kết, tổng kết; tổ chức thí điểm một số cơ chế, chính sách mới, bảo đảm đánh giá độc lập, kịp thời điều chỉnh hoặc chấm dứt thí điểm không hiệu quả, phát sinh rủi ro; bố trí đủ nguồn lực và tổ chức quán triệt ngay sau khi Nghị quyết được ban hành.

3. Đảng uỷ các bộ, cơ quan ngang bộ, Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch hành động với nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình phù hợp; phân công cụ thể trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị xử lý.

4. Đảng uỷ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan biên soạn tài liệu bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về nội dung Nghị quyết; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng theo yêu cầu thực tiễn.

5. Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hướng dẫn, vận động Nhân dân thực hiện Nghị quyết; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan.

6. Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng uỷ Chính phủ và các cơ quan liên quan tham mưu Bộ Chính trị, Ban Bí thư tổ chức quán triệt và tăng cường tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết.

7. Đảng uỷ Chính phủ chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Chính sách, chiến lược Trung ương, các đảng uỷ trực thuộc Trung ương và địa phương thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Nghị quyết.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ



Tô Lâm

Nơi nhận:
- Bộ Chính trị, Ban Bí thư;
- Các ban đảng, đảng uỷ trực thuộc Trung ương;
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ;
- Các đảng uỷ bộ, ngành, tổ chức ở Trung ương;
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng;
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.